

## THÔNG BÁO

### Về việc tuyển dụng nhân sự Trường Đại học Công nghệ thông tin năm 2017

Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐHCNTT) thông báo tuyển dụng nhân sự năm 2017 cho các Phòng, Khoa, Bộ môn trực thuộc như sau:

#### 1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN DỤNG

- Có tư cách đạo đức tốt; có ý thức tổ chức kỷ luật và tuân thủ pháp luật; có tinh thần trách nhiệm cao; có khả năng làm việc tập thể; giao tiếp tốt với mọi người.
- Có đầy đủ sức khỏe; có ngoại hình, tính cách phù hợp với công việc.
- Nhiệt tình và có dự định gắn bó lâu dài với Trường ĐHCNTT.

#### 1.1 Đối với Giảng viên

- Tốt nghiệp Thạc sĩ trở lên ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển.
- Trình độ Ngoại ngữ: Đối với ứng viên vào vị trí giảng viên dạy các môn học đại cương và chuyên ngành CNTT-TT, đáp ứng một trong các điều kiện:
  - + Đạt trình độ ngoại ngữ B2 (theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR) hoặc tương đương trở lên đối với một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật. (Xem phụ lục 1, 2, 3, 4, 5)
  - + Tốt nghiệp một bậc đào tạo có thời gian 3 năm trở lên ở nước ngoài, sử dụng một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật trong quá trình học tập.
- Trình độ Tin học: áp dụng đối với giảng viên dạy các môn đại cương và ngoại ngữ: Đáp ứng *Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản* theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Tuổi:
  - + Đối với người có bằng Thạc sĩ: tuổi  $\leq 35$
  - + Đối với người có bằng Tiến sĩ: tuổi  $\leq 45$

#### 1.2 Đối với Nghiên cứu viên

- Tốt nghiệp Đại học chính quy, loại Khá hoặc tương đương trở lên ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển.
- Trình độ Ngoại ngữ: đáp ứng một trong các điều kiện:
  - + Đạt trình độ ngoại ngữ B1 (theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR) hoặc tương đương trở lên đối với một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật. (Xem phụ lục 1, 2, 3, 4, 5)

- + Tốt nghiệp một bậc đào tạo có thời gian 2 năm trở lên ở nước ngoài, sử dụng một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật trong quá trình học tập.
- Tuổi:
  - + Đối với người đã tốt nghiệp đại học: tuổi  $\leq 28$
  - + Đối với người có bằng Thạc sĩ: tuổi  $\leq 35$
  - + Đối với người có bằng Tiến sĩ: tuổi  $\leq 45$

### **1.3 Đối với Chuyên viên**

- Tốt nghiệp Đại học chính quy loại Khá (hoặc tương đương trở lên) ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển.
- Trình độ Ngoại ngữ: đáp ứng một trong các điều kiện:
  - + Đạt trình độ ngoại ngữ A2 (theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR) hoặc tương đương trở lên đối với một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật. (Xem phụ lục 1, 2, 3, 4, 5) Đối với ứng viên vào vị trí làm việc có yếu tố nước ngoài thì phải đạt trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương trở lên.
  - + Tốt nghiệp một bậc đào tạo có thời gian 2 năm trở lên ở nước ngoài, sử dụng một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa, Nhật trong quá trình học tập.
- Trình độ Tin học: Đáp ứng Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Tuổi:
  - + Đối với người đã tốt nghiệp đại học: tuổi  $\leq 28$
  - + Đối với người có bằng Thạc sĩ: tuổi  $\leq 35$

## 2. VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG

Mã số	Vị trí	Đơn vị		Số lượng	Mô tả công việc	Yêu cầu
G1	Giảng viên	Bộ môn Toán – Lý		01	Giảng dạy các môn: Giải tích 1, Giải tích 2, Đại số tuyến tính, Cấu trúc rời rạc, Xác suất thống kê,...), nghiên cứu khoa học.	Tiến sĩ Toán học.
G2	Giảng viên	Bộ môn Khoa học & Kỹ thuật thông tin		01	Giảng dạy các môn: Các chủ đề nâng cao trong công nghệ phần mềm, Máy tính và thiết bị đi động, Khoa học dữ liệu.	Tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành liên quan.
C1	Chuyên viên			01	Công tác giáo vụ, phụ trách thời khóa biểu giảng dạy, lịch các hội đồng bảo vệ, mời giảng viên giảng dạy, mời hội đồng bảo vệ luận văn các hệ đào tạo.	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành liên quan.
G3	Giảng viên	Khoa Công nghệ phần mềm	Môi trường ảo & PT Games	01	Giảng dạy các môn: Lập trình đồ họa 3 chiều với Direct3D, Phát triển và vận hành game.	01 Thạc sĩ, 01 Tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành liên quan.
G4	Giảng viên		Phát triển phần mềm	01	Giảng dạy các môn: Giao tiếp người máy, Đặc tả hình thức.	
G5	Giảng viên	Khoa Hệ thống thông tin	Thương mại điện tử	02	Giảng dạy các môn về kinh tế, chuyên ngành Thương mại điện tử.	01 Thạc sĩ, 01 Tiến sĩ ngành Thương mại, Kinh tế.
G6	Giảng viên		Hệ thống thông tin quản lí	02	Giảng dạy các môn hệ Đại học, Thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lí.	Tiến sĩ ngành Hệ thống thông tin/ Hệ thống thông tin quản lý.
G7	Giảng viên		Hệ thống thông tin thông minh	01	Giảng dạy các môn hệ Đại học, Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị thông tin/ Phân tích dữ liệu.	Tiến sĩ ngành Hệ thống thông tin/ Hệ thống thông tin quản lý.
G8	Giảng viên	Khoa Khoa học máy tính	Thị giác máy tính & Đa phương tiện	01	Giảng dạy, trợ giảng các môn học của Bộ môn	Thạc sĩ trở lên ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành liên quan. Có kinh nghiệm nghiên cứu hoặc thực hiện đề tài phù hợp với Bộ môn.

Mã số	Vị trí	Đơn vị		Số lượng	Mô tả công việc	Yêu cầu
G9	Giảng viên		Công nghệ tri thức & máy học	01	Giảng dạy các môn học của Bộ môn.	Tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành liên quan. Có kinh nghiệm nghiên cứu hoặc thực hiện đề tài phù hợp với Bộ môn.
G10	Giảng viên	Khoa Kỹ thuật máy tính	Thiết kế vi mạch & Phần cứng	04	Giảng dạy các môn: Thiết kế vi mạch số, Thiết kế vi mạch tương tự, Tự động hóa thiết kế vi mạch, Thiết kế vi mạch hỗn hợp, Chuyên đề thiết kế vi mạch & phần cứng.	02 Thạc sĩ, 02 Tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành liên quan. Ngoại ngữ: TOEIC 750 hoặc tương đương.
G11	Giảng viên		Hệ thống nhúng & Robots	01	Giảng dạy các môn: Logic mờ, Điều khiển tự động, Tương tác người máy, Chuyên đề hệ thống nhúng & robots.	Thạc sĩ trở lên ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật máy tính hoặc các ngành liên quan Ngoại ngữ: TOEIC 750 hoặc tương đương.
G12	Giảng viên	Khoa Mạng máy tính & Truyền thông	Mạng máy tính	03	Giảng dạy các môn: Nhập môn Mạng máy tính, Quản trị mạng và hệ thống, Hệ thống nhúng, Mạng không dây, Công nghệ iots hiện đại, Hệ tính toán phân bố, Đánh giá hiệu năng hệ thống Mạng máy tính, Tính toán lưới, Bảo mật iots. Tham gia nhóm nghiên cứu UiTiOt, theo các định hướng nghiên cứu của Bộ môn.	01 Thạc sĩ, 02 Tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin, Mạng máy tính & Truyền thông. Ưu tiên: Mạng, Hệ tính toán phân bố, xử lý song song, điện toán đám mây, Tối ưu hóa mạng, mô hình mạng, đánh giá hệ thống mạng
N1	Nghiên cứu viên		Mạng máy tính	01	Tham gia nhóm nghiên cứu UiTiOt tại Bộ môn Mạng máy tính.	Đại học ngành Công nghệ thông tin trở lên, ưu tiên đang là học viên cao học, có kinh nghiệm lập trình, triển khai hệ thống mạng, cloud...

Mã số	Vị trí	Đơn vị		Số lượng	Mô tả công việc	Yêu cầu
G13	Giảng viên		An toàn thông tin	02	Giảng dạy các môn: Nhập môn Mạng máy tính, An toàn Mạng máy tính, IDS/IPS, An toàn kiến trúc hệ thống, Hệ tính toán phân bố, Xử lý song song, Điện toán đám mây, Tối ưu hóa mạng, Mô hình mạng, Đánh giá hệ thống mạng.	01 Thạc sĩ, 01 Tiến sĩ ngành Công nghệ thông tin, Mạng máy tính & Truyền thông. Ưu tiên: Mạng, Khoa học máy tính, Kỹ thuật máy tính, ứng viên làm luận văn về hướng An toàn thông tin
N2	Nghiên cứu viên	Phòng Thí nghiệm An toàn thông tin		01	Tham gia đề tài nhóm nghiên cứu về an toàn thông tin.	Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ tốt nghiệp (hoặc có đề tài tốt nghiệp) trong lĩnh vực An toàn thông tin, Mạng, Khoa học máy tính, Kỹ thuật máy tính.
N3	Nghiên cứu viên	Phòng Thí nghiệm Truyền thông Đa phương tiện		02	Nghiên cứu các đề tài hướng Thị giác máy tính & đa phương tiện. Phát triển sản phẩm ứng dụng.	01 Thạc sĩ, 01 Đại học (đang là học viên cao học) ngành Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính và các ngành có liên quan.
N4	Nghiên cứu viên	Phòng Thí nghiệm Hệ thống thông tin		01	Đề xuất ý tưởng đề tài khoa học công nghệ, tham gia nghiên cứu phát triển các đề tài khoa học và dự án tại Phòng thí nghiệm.	Tiến sĩ chuyên ngành Hệ thống thông tin, có chuyên môn Big Data, Hệ thống thông tin thông minh. Có tố chất lãnh đạo, quản lý.
				02	Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án của phòng thí nghiệm.	01 Thạc sĩ, 01 Đại học (đang là học viên cao học) có chuyên ngành về Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm.
C2	Chuyên viên	Phòng Quan hệ đối ngoại		01	Giải quyết những công việc thuộc công tác đối ngoại. Tham mưu xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến công tác quan hệ đối ngoại. Theo dõi, đôn đốc công tác quan hệ đối ngoại, truyền thông của Trường.	Đại học/ Thạc sĩ ngành Ngoại ngữ/ QHĐN/ Hợp tác quốc tế/ Báo chí/ Truyền thông/ tương đương. Có kinh nghiệm công tác QHĐN. Nếu không thuộc các ngành trên phải có kinh nghiệm về QHĐN.

<b>Mã số</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mô tả công việc</b>	<b>Yêu cầu</b>
					Có tố chất lãnh đạo, quản lý. Có khả năng giao tiếp tốt. Ưu tiên dưới 35 tuổi.
C3	Chuyên viên	Phòng Công tác sinh viên	01	Phụ trách công tác truyền thông sinh viên.	Đại học, đã có thời gian thực tập thực tế ở lĩnh vực liên quan.
C4	Chuyên viên	Phòng Thanh tra – Pháp chế - Đảm bảo chất lượng	01	Có khả năng lập kế hoạch chung cho công tác Thanh tra pháp chế. Chịu trách nhiệm chính trong công tác Thanh tra pháp chế.	Thạc sĩ ngành Luật hoặc các ngành liên quan. Có kinh nghiệm công tác 5 năm trở lên. Có tố chất lãnh đạo, quản lý.
C5	Chuyên viên	VP. Đoàn thanh niên	01	Quản lý tài sản, cơ sở vật chất và hỗ trợ cơ sở vật chất cho các hoạt động của Đoàn, Hội. Quản lý các hệ thống Công nghệ thông tin của Đoàn trường với các đối tác bên ngoài. Tổ chức hoạt động cho sinh viên, hỗ trợ các nghiệp vụ, công tác Văn phòng Hội sinh viên.	Tốt nghiệp Đại học (ưu tiên ngành công nghệ thông tin). Đã/ đang là cán bộ Đoàn, Hội. Nam
L1	Lái xe	Phòng TCHC	01	Lái xe ô tô đưa đón CBVC.	Có bằng lái dấu D trở lên. 5 năm kinh nghiệm Nam
<b>Tổng số lượng:</b>			<b>34</b>		

### 3. KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thông báo tuyển dụng	10/4 - 15/5
2	Nhận hồ sơ ứng viên	
3	Tổng hợp thông tin hồ sơ ứng tuyển, sơ tuyển hồ sơ	
4	Phòng vấn chuyên môn, nghiệp vụ	08- 19/5
5	Phòng vấn khác	
6	Quyết định tuyển dụng	22-26/5
7	Thông báo kết quả tuyển dụng, ký hợp đồng	29-31/5

### 4. HỒ SƠ TUYỂN DỤNG

- Đơn xin việc (*viết tay, nêu rõ mã số vị trí dự tuyển, đơn vị dự tuyển và lí do muốn ứng tuyển vào vị trí này.*)
- Sơ yếu lý lịch có chứng thực tại địa phương (theo mẫu đính kèm).
- Bản sao các văn bằng (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời bản chính) kèm bảng điểm học tập có chứng thực. Các trường hợp bằng tốt nghiệp và bảng điểm do nước ngoài cấp phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có công chứng.
- Bản sao các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu tuyển dụng có chứng thực tại địa phương.
- Bản sao Giấy khai sinh, CMND, sổ hộ khẩu chứng thực tại địa phương.
- Giấy khám sức khỏe do Bệnh viện Quận (Huyện) trở lên cấp.
- Thư giới thiệu của một cá nhân có uy tín biết rõ về ứng viên.
- Giấy chứng nhận về hoạt động cộng đồng (nếu có).
- Bản cam kết (mẫu đính kèm).

#### **Ghi chú:**

- Ngoài túi đựng hồ sơ, dán nhãn như Phụ lục 1 (kèm theo Thông báo này)
- Hồ sơ tuyển dụng gửi về: Phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Đại học Công nghệ thông tin. KP 6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: 08-37251993-(107).
- Hạn chót nhận hồ sơ: **15/05/2017.**
- Các hồ sơ vượt qua vòng sơ tuyển mới được mời phỏng vấn.
- Trường sẽ không trả lại hồ sơ cho các ứng viên không trúng tuyển.

### 5. QUYỀN LỢI KHI ĐƯỢC TUYỂN DỤNG

- Các ứng viên được tuyển dụng, sẽ được ký hợp đồng lao động, được hưởng các quyền

lợi theo quy định của pháp luật và nhà trường.

- Được tạo điều kiện làm việc và phát triển nâng cao năng lực bản thân đúng chuyên môn dự tuyển.

***Nơi nhận:***

- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCHC.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

**(đã kí)**

**Mai Văn Cường**



---

# HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG NĂM 2017

HỌ TÊN .....DIỆN THOẠI.....

VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: ..... MÃ SỐ:.....

ĐƠN VỊ: .....

**Hồ sơ gồm:**

- 1/ Đơn xin việc .....
- 2/ Sơ yếu lý lịch .....
- 3/ Bản sao bằng TN Đại học, bảng điểm .....
- 4/ Bản sao bằng Thạc sĩ và bảng điểm.....
- 5/ Bản sao bằng Tiến sĩ .....
- 6/ Bản sao chứng chỉ ngoại ngữ.....
- 7/ Bản sao chứng chỉ tin học .....
- 8/ Bản sao CMND.....
- 9/ Bản sao Giấy khai sinh .....
- 10/ Bản sao HKTT .....
- 11/ Giấy khám sức khỏe.....
- 12/ Thư giới thiệu.....
- 13/ Giấy chứng nhận hoạt động cộng đồng .....
- 14/ Các loại giấy tờ, chứng chỉ khác :

+ .....

+ .....

+ .....

+ .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh

3 x 4

**SƠ YẾU LÝ LỊCH****I. Sơ lược lý lịch:**

- Họ và tên: .....
- Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/Nữ: .....
- Nơi sinh: .....
- Thường trú tại: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện nay (nếu là cán bộ, công chức): .....
- .....
- Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....
- Thành phần gia đình: .....
- Thành phần bản thân: .....
- Ngày vào Đoàn: .....
- Ngày vào Đảng: ..... Ngày chính thức: .....
- Trình độ: + Văn hóa: .....
- + Ngoại ngữ: .....
- + Tin học: .....
- + Chuyên môn: .....

**II. Quá trình học tập, công tác:**

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đã học và tốt nghiệp những trường nào, ở đâu hoặc làm những công việc gì (kể cả hợp đồng lao động) trong cơ quan, đơn vị, tổ chức nào, ở đâu?


### III. Quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Tên trường / cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Văn bằng, chứng chỉ
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....
.....	.....	...../.....-...../.....	.....	.....

**Ghi chú:** Hình thức đào tạo, bồi dưỡng bao gồm: chính qui, tại chức, chuyên tu, .....

Văn bằng bao gồm: tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, ..

### IV. Khen thưởng:

Tháng, năm	Nội dung và hình thức khen thưởng	Cấp quyết định

### V. Kỷ luật:

Tháng, năm	Lý do và hình thức kỷ luật	Cấp quyết định


**VI. Quan hệ gia đình:**

- Họ tên cha: ..... Năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Chỗ ở hiện nay: .....
- Họ tên mẹ: ..... Năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Chỗ ở hiện nay: .....
- Họ tên Vợ hoặc Chồng: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Chỗ ở hiện nay: .....
- Họ tên các con (năm sinh, đang làm gì? ở đâu?): .....
- .....
- Họ tên anh, chị, em (năm sinh, đang làm gì? ở đâu?): .....
- .....

Cam kết những lời khai trên đây của tôi là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**XÁC NHẬN CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Người khai**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY CAM KẾT**

Họ và tên: .....

Số CMND: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Tôi xin cam kết các nội dung sau:

- Hiện tại chưa có việc/ đang làm việc tại: *(ghi rõ đơn vị đang công tác, thời gian làm việc và số sổ BHXH nếu có)*
- Nếu được tuyển dụng, tôi cam kết:
- + Thôi việc tại đơn vị đang công tác và chấp hành đúng theo quy định của Trường ĐHCNTT *(dành cho những người đang có việc làm)*.
- + Làm việc lâu dài tại Trường.
- + Bổ sung Văn bản công nhận văn bằng do Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp *(đối với người Việt Nam có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp)*

Nếu có điều gì sai phạm, tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm*  
**NGƯỜI CAM KẾT**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

## PHỤ LỤC 1

### BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	TOEFL ITP	Cambridge Tests	Chuẩn VN
C2	7.5+	910+	600+	250+	100+	630+	45 - 59 CPE 80 - 100 CAE	6
C1	7.0 -6.0	850	577 - 540	236 -213	95 - 80	550	60 -79 CAE 80 - 100 FCE	5
B2	5.5 -5.0	600-	527 - 480	197 - 173	71 - 61	500	60 -79 FCE 80 - 100 PET	4
B1	4.5 -4.0	450	477 - 450	153 - 126	53 - 42	450	45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET	3
A2	3.5 -3.0	400	340	96	31	337	45 - 64 PET 70 - 89 KET	2
A1	< 3.0	< 400	< 340	< 96	< 31		45- 69 KET	1

*Ghi chú:* Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ – BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ GD&ĐT; Thông báo số 681/TB-BGDĐT ngày 30/05/2013 về việc “Thông báo Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiền tại cuộc họp về dự thảo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam”

## PHỤ LỤC 2

### VĂN BẰNG TIẾNG PHÁP CẤP THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ - CEFR

DELFD-DALF bao gồm 6 văn bằng độc lập tương đương với 6 cấp độ theo Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ.

- DELF A1: trình độ giao tiếp ban đầu sơ cấp khám phá (découverte)
- DELF A2: trình độ giao tiếp sơ trung cấp (survie)

- DELF B1: trình độ giao tiếp ngưỡng (seuil)
- DELF B2: trình độ giao tiếp độc lập (indépendant)
- DALF C1: trình độ giao tiếp tự chủ (autonome)
- DALF C2: giao tiếp ở trình độ cao (maîtrise)

### PHỤ LỤC 3

#### BẢNG QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ NĂM VỮNG TIẾNG NGA KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ - CEFR

**Kỳ thi TRKI có tên gọi tiếng Anh là: Test of Russian as a Foreign Language**

<b>Chứng chỉ tiếng Nga</b>	<b>Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR</b>	<b>Giải thích</b>
TЭУ (TEU) Elementary Level	A – 1 (Breakthrough)	Chúng nhận có khả năng tối thiểu để giao tiếp hàng ngày
TБУ (TBU) Immediate Level	A – 2 (Waystage)	Chúng nhận có trình độ sơ cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, xã hội và văn hóa
ТРКИ-1 (TRKI-1) Certificate Level 1	B-1 (Threshold)	Chúng nhận có trình độ trung cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, văn hóa và xã hội. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để học ở các trường ĐH của Nga)
ТРКИ-2 (TRKI-2) Certificate Level 2	B-2 (Vantage)	Chúng nhận có trình độ cao để giao tiếp trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Người học có thể làm việc bằng tiếng Nga trong các lĩnh vực khác nhau. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng cử nhân hoặc thạc sỹ)
ТРКИ-3 (TRKI-3) Certificate Level 3	C-1 (Effective Operational Proficiency)	Chúng nhận đạt được trình độ cao để giao tiếp trong các lĩnh vực, cho phép người học làm việc bằng tiếng Nga với tư cách là một nhà ngôn ngữ học, nhà dịch thuật, chủ biên của một tạp chí, nhà ngoại giao và nhà lãnh đạo của một cộng đồng nói tiếng Nga
ТРКИ-4 (TRKI-4) Certificate Level 4	C-2 (Mastery)	Chúng nhận đạt được khả năng nắm vững tiếng Nga một cách thông thạo, gần với trình độ của một người bản ngữ. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng tốt nghiệp thạc sỹ và tiến sỹ ngôn ngữ học)

## PHỤ LỤC 4

### BẢNG QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ TIẾNG TRUNG (HSK)

#### THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ

Bảng quy đổi các cấp của HSK mới với “tiêu chuẩn năng lực Hán ngữ quốc tế” theo khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR:

HSK mới	Lượng từ vựng	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế	Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - (CEFR)
HSK cấp 6	Hơn 5000	Cấp 5	C2
HSK cấp 5	2500	Cấp 5	C1
HSK cấp 4	1200	Cấp 4	B2
HSK cấp 3	600	Cấp 3	B1
HSK cấp 2	300	Cấp 2	A2
HSK cấp 1	150	Cấp 1	A1

- HSK cấp 1: Có thể hiểu và sử dụng được những từ ngữ hoặc câu tiếng Hán rất đơn giản, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cụ thể.
- HSK cấp 2: Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành hội thoại giao lưu trực tiếp đơn giản với các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.
- HSK cấp 3: Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập và công việc. Khi du lịch Trung Quốc, có thể ứng phó với các tình huống gặp phải.
- HSK cấp 4: Có thể dùng tiếng Hán để trao đổi về các chủ đề thuộc các lĩnh vực rộng hơn hơn, đồng thời có thể giao lưu một cách trôi chảy, lưu loát với người bản địa.
- HSK cấp 5: Có thể đọc hiểu báo chí tiếng Trung, thưởng thức các tiết mục phim ảnh tiếng Trung và dùng tiếng Hán để tiến hành thuyết trình một cách tương đối hoàn chỉnh.
- HSK cấp 6: Có thể dễ dàng nghe và đọc hiểu các tin tức tiếng Trung, đồng thời biểu đạt trôi chảy được quan điểm của mình qua ngôn ngữ nói hoặc viết.

## PHỤ LỤC 5

### QUY ĐỔI CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG ĐỨC

#### SANG KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU VỀ NGOẠI NGỮ - CERF

- Có nhiều loại chứng chỉ tiếng Đức khác nhau, việc quy đổi các chứng chỉ tiếng Đức sang khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ, có thể tham khảo quy định của Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức tại Việt nam (DAAD Việt nam), tại địa chỉ trang Web <http://www.daadvn.org/vi/26555/>.